

NHU CẦU NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI QUA MỘT KHẢO SÁT XHH.

ThS. Lê Thái Thị Băng Tâm

Khoa Xã hội học

Trường Đại học KH Xã hội & Nhân văn

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của phụ nữ là một chỉ báo quan trọng cho sự phát triển xã hội. Ngày nay, phụ nữ đã tham gia vào nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội, đứng ở nhiều vị trí xã hội quan trọng. Nhưng điều này chưa mang tính phổ biến cho mọi nhóm phụ nữ khác nhau. Ở nhiều nơi, ở nhiều lúc người ta vẫn chưa nhận thức đúng đắn vai trò và khả năng của người phụ nữ trong hoạt động xã hội và gia đình. Những rào cản của nhận thức giới đã và đang trở nên rất quan trọng, chi phối và quyết định các chính sách, dự án để đáp ứng nhu cầu giới, để có những hành vi ứng xử trong quan hệ giới ở xã hội nói chung và trong gia đình nói riêng.

Nhận thức giới đã và đang thay đổi trước sự thay đổi của chính phụ nữ và của thực tại xã hội. Nhưng sự thay đổi này đang diễn ra chậm hơn nhiều so với đòi hỏi của phát triển xã hội. Các chủ thể nhận thức không tránh khỏi những rào cản trong quá trình phản ánh thực tại vào ý thức của họ.

Nhận thức giới mang màu sắc của thế hệ. Giữa thế hệ những người “xưa” và “nay” đang là sự tiếp nối, chuyển giao và quá độ của nhận thức về giới. Hơn ai hết, thế hệ trẻ ngày nay dường như chưa được chuẩn bị nhiều về tri thức giới tính và giới để bước vào một thiên niên kỷ mới: thiên niên kỷ của sự “tự do, bình đẳng và bác ái”. Chính vì vậy, nhu cầu nhận thức về giới của thế hệ trẻ đang ngày càng trở nên cấp thiết. Do đó, cần phải có sự hỗ trợ của giáo dục, của xã hội hoá về giới cho thế hệ trẻ. Công việc này đòi hỏi nỗ lực của nhiều người, nhiều ngành, nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi mong muốn chỉ ra những thiếu hụt trong nhận thức giới và nhu cầu nhận thức giới của thanh niên. Đối tượng muốn nhằm tới của chúng tôi là sinh viên.

Bài viết sử dụng kết quả nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, trong khuôn khổ của khảo sát xã hội học thực nghiệm với đề tài “Kiến thức giới của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội”, đã được nghiệm thu vào tháng năm 2000. Bản thân tác giả cũng là thành viên của nhóm nghiên cứu.

2. Sinh viên với hiểu biết về giới

* *Nhận thức về quan hệ giới tính, tình dục và hôn nhân gia đình:* Những quan hệ này không chỉ đơn thuần mang bản sắc sinh học, chúng còn chứa đựng những ý nghĩa xã hội rất đặc trưng nữa. Xem

xét về vấn đề này để đánh giá về cách nhìn xã hội của sinh viên ta hiện nay. Vì từ những nhìn nhận này có thể nhận biết được họ nhận thức như thế nào về cách thức mà người nam và nữ có thể quan hệ với nhau. Hay những chuẩn mực xã hội nào được sinh viên chấp nhận và những chuẩn mực xã hội nào khiến họ “bỏ qua”. Và như vậy, chúng ta cũng có thể thấy được định hướng của họ trong lĩnh vực quan hệ này.

Sinh viên dường như không quá “khắt khe” về vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân như những thế hệ trước đây. Số sinh viên tỏ ra phản đối quan hệ tình dục trước hôn nhân không nhiều. Cụ thể là số sinh viên chấp nhận “quan hệ tình dục trước hôn nhân là điều không nên”, “tình yêu và tình dục là hai vấn đề liên quan với nhau” hay “đã có quan hệ tình dục với nhau thì phải cưới nhau” thường chỉ hơn một nửa số người trả lời. Trong đó nhiều sinh viên cho rằng quan hệ tình dục trước hôn nhân không phải là điều hoàn toàn cấm kỵ. Chính bản thân nhiều sinh viên cũng công nhận “thanh niên có quan hệ tình dục trước hôn nhân” (57.4%). Những phát hiện này cho thấy những chuẩn mực tình dục trong xã hội truyền thống và xã hội “bao cấp” không còn được sự chấp nhận cao trong thanh niên sinh viên ngày nay. Sự “cởi mở” hơn trong những vấn đề tưởng như kín đáo nhất của con người cho thấy mức độ “tự do” nhất định trong nhận thức và hành vi của thanh niên. Thái độ này không hẳn chứng tỏ sự “hư đốn” của họ (như một số bậc phụ huynh đã hết sức lo lắng) mà có thể biểu thị một sự muốn khẳng định mình của họ. Nhưng dù những nhận thức về tình dục trước hôn nhân của sinh viên có thay đổi thì sự chấp nhận của xã hội cũng vẫn còn rất dè dặt. Chuẩn mực trong hôn nhân của người Việt chưa “cho phép” sự “vượt quá khuôn khổ” như vậy.

Nhưng một điều thú vị là khi chúng tôi đặt câu hỏi: “Em cảm thấy thế nào khi các bạn của em thường có hành vi sau: có quan hệ tình dục” thì tỷ lệ sinh viên “khó chịu” và “lên án” rất cao (78.1%). Điều này dường như mâu thuẫn với kết quả thu được ở trên. Hoá ra là khi phải nói những điều liên quan trực tiếp đến bản thân thì con người ta thường có phản xạ “tự vệ” rất cao. Nếu yêu cầu đánh giá chung (về người khác) thì thường nhận được trả lời rất “khách quan”. Như vậy sẽ khó cho việc phân tích của người nghiên cứu. Nhưng dù sao trước hai thái độ về cùng một vấn đề như vậy cũng cho thấy sự lưỡng lự, giằng kéo trong quan niệm về quan hệ tình dục trước hôn nhân của sinh viên. Không hẳn họ đã dễ dàng chấp nhận những chuẩn mực “mới”.

** Nhận thức về vai trò giới*

Phân công lao động giữa nam giới và nữ giới không phải là một hiện tượng *tự nhiên* mà có tính chất *xã hội* cao độ. Sự nhận biết về vai trò giới thường được thông qua quá trình xã hội hoá. Vai trò giới được hình thành theo khuôn mẫu xã hội. Trong những xã hội cổ truyền và xã hội nông nghiệp, việc nam giới và nữ giới làm gì trong gia đình và xã hội không phải hoàn toàn do bản thân họ định đoạt. Và từ đó quyền lợi, nghĩa vụ và quyền lực của họ cũng do sự đảm nhiệm các vai trò xã hội chi phối. Trong những xã hội này, thường nam giới là người tham gia vào lĩnh vực hoạt động sản xuất, có thu nhập bằng tiền mặt, còn phụ nữ thường tham gia nhiều vào lĩnh vực tái sản xuất và thu nhập của họ không thường xuyên bằng tiền mặt. Chính vì vậy, việc làm chủ sản xuất dẫn đến làm chủ gia đình và thường ở những vị trí cao trong xã hội là do nam giới. Thực ra, người phụ nữ vẫn có thể làm những công việc như của nam giới. Bằng chứng là ở một số xã hội nữ giới làm công việc mà ở xã hội khác là do nam giới đảm nhiệm. Chỉ có điều, để có thể đảm bảo lợi ích cho một phía nào đó (nam giới hoặc

nữ giới), có những khuôn mẫu về vai trò giới luôn luôn được đặt ra để ràng buộc người ta vào đó. Nhận thức vai trò giới là nhận thức cả về quyền và lợi ích mà mỗi bên được hưởng. Đấu tranh để có sự bình đẳng giới có nghĩa là đấu tranh cho vấn đề này.

Nhận thức của thanh niên, đặc biệt là sinh viên cũng không nằm ngoài nhận thức chung của xã hội đương thời. Nhưng để thay đổi nhận thức thì thanh niên là lực lượng dễ thay đổi hơn cả.

Trong những năm gần đây, khi phong trào giải phóng phụ nữ và phong trào đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ phát triển (từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển), nhận thức về vai trò giới cũng đã có những thay đổi đáng kể. Nhưng, để đạt tới sự hoàn hảo trong nhận thức cần phải có thời gian và nhiều nỗ lực.

Những sinh viên trong khảo sát của chúng tôi dường như không quá cực đoan trong nhận định về vai trò của nam giới và nữ giới. Họ không cho rằng nội trợ là công việc của riêng phụ nữ. Nhưng khi bàn đến vị trí của nam giới trong gia đình và xã hội, họ vẫn giành cho nam giới vị trí cao hơn phụ nữ: “người chồng là trụ cột kinh tế trong gia đình “ (đồng ý: 68.6%); “chọn nam giới làm người lãnh đạo (đồng ý nam: 35.4%, nữ : 7.4%).

Để tìm hiểu một cách sâu sắc hơn nhận thức về vai trò nội trợ của phụ nữ của sinh viên, chúng tôi đưa ra một số câu hỏi : “Theo em những công việc nào thích hợp với các thành viên trong gia đình?” ; “Theo em, công việc nội trợ trong gia đình có nên được xem như là một lao động cần được trả lương?” và “ Nhìn chung phụ nữ thường lo nội trợ và chăm sóc gia đình, đó là do đâu?”. Câu trả lời của sinh viên thể hiện một chuẩn mực mới về phân công lao động gia đình giữa nam giới và nữ giới. Một số công việc dường như nam giới khó thay thế được phụ nữ (nữ : đi chợ (70.4%, nấu ăn: 51.8%, giặt giũ: 57.6%). Tỷ lệ sinh viên cho rằng nam giới có thể làm một cách độc lập những việc trên rất thấp (1.8%; 1.3% và 1.3%). Điều đáng chú ý là số sinh viên thấy rằng nam giới nên giúp đỡ phụ nữ bằng cách tham gia cùng phụ nữ trong những công việc trên lại khá cao (nấu ăn: 46.9%; giặt giũ : 41.2% và dọn dẹp nhà cửa : 66.5% ; chăm sóc người ốm: 77.6%; chăm sóc con: 70.4%; dạy con học: 86.6%; giao tiếp với người trong họ: 76.7%). Như vậy, theo sinh viên với một số công việc trong gia đình, vai trò giới đã không bị “tuyệt đối hoá” đối với phụ nữ. Nam giới đã được chuẩn hoá trong vai trò trợ giúp phụ nữ trong một loạt những công việc này.

Tuy nhiên, không có nhiều sinh viên cho rằng nam giới có thể hoàn toàn độc lập trong công việc gia đình. Sở dĩ họ có những quan niệm như trên vì công việc nội trợ không được họ “tính” vào làm một loại lao động cần được xem ngang hàng như những lao động sản xuất ra của cải khác. Họ cho rằng “ công việc nội trợ gia đình không nên xem như là một lao động cần phải được trả lương” (70.8%). Trên thực tế, lao động này chưa được một xã hội nào tính đến việc phải trả lương cho nó. Chúng tôi đưa chỉ báo này như một chỉ báo “giả định” để kiểm tra những chỉ báo trên khi xem xét thái độ của sinh viên với sự phân công lao động gia đình . Qua kết quả trên, cho thấy, lao động nội trợ chưa được sinh viên cho là quan trọng như những lao động khác. Hơn nữa, trong quan niệm của họ, phụ nữ thường gắn với lao động này nhiều hơn. Do đó, vị trí của người phụ nữ trong gia đình vẫn chỉ được họ “xếp” thứ 2 sau nam giới.

Quan niệm của sinh viên như vậy hoàn toàn mang “màu sắc giới”. Điều này cũng thật dễ hiểu bởi họ đã và đang sống trong môi trường mang những chuẩn mực giới còn khá rõ nét. Họ tiếp nhận từ xã hội, nhà trường, gia đình, bạn bè những chuẩn mực này.

Nhưng khá là thú vị khi trong kết quả khảo sát cho thấy rõ hơn trong cách lý giải về vai trò phụ nữ trong công việc nội trợ của sinh viên đã cho thấy một cách nhìn rất khoa học và nhân văn của họ. Đa phần sinh viên đều nhận thấy lao động nội trợ không phải được gán với phụ nữ như một “logic” của sinh học, tự nhiên. Người phụ nữ cũng có thể không phải làm công việc này vì “họ không buộc phải làm”. Tuy nhiên số sinh viên cho rằng lao động này được phụ nữ làm vì “họ sinh ra đã có thiên hướng làm việc đó” không thấp (38.9%).

Nhìn nhận vai trò của phụ nữ và nam giới trong xã hội của sinh viên mang “màu sắc giới” rõ rệt hơn. Số sinh viên cho rằng “nếu hai người khác giới có năng lực và khả năng hoàn thành công việc như nhau “ thì “nên chọn nam giới vào cương vị lãnh đạo” nhiều hơn số sinh viên “chọn nữ giới” (35.4% so với 7.4%). Sự khẳng định “tính hơn hằn” của nam giới trên những vị trí cao của sinh viên cho thấy sự thiếu tin tưởng của họ vào phụ nữ khi phải cân nhắc để đặt họ vào những cương vị này hay sự đánh giá thấp về khả năng thực hiện vai trò của người phụ nữ?

Về sự bất bình đẳng trong xã hội hiện nay được sinh viên nhìn nhận khá khách quan. Đa phần sinh viên cho rằng “ có” bất bình đẳng giới (80.9%). Và nguyên nhân khiến cho tình hình này còn được duy trì, theo họ là do những điều kiện bất lợi của phụ nữ: “để con, nuôi con; làm quá nhiều việc nhà; thu nhập thấp hơn nam giới ...” (38.3%; 50.0%; 18.9%) và do chính xã hội không dành cơ hội cho phụ nữ: xã hội không coi trọng phụ nữ bằng nam giới (30.4%); nam giới coi thường phụ nữ (21.8%); xã hội không tạo điều kiện cho phụ nữ (21.3%).

Đánh giá sự bất bình đẳng xã hội như trên cho thấy, dưới cách nhìn của sinh viên nguyên nhân nằm ở chỗ phụ nữ không có được nhiều cơ hội như nam giới và quan trọng là xã hội không chấp nhận phụ nữ như đã chấp nhận nam giới bởi chính những định kiến giới vẫn còn nặng nề.

Mặc dù nhiều sinh viên đã tỏ ra “thông cảm “ với phụ nữ, nhưng trên thực tế, hành vi của họ (đặc biệt là sinh viên nam) hầu như chưa đồng nhất với nhận thức mà họ đã “chứng tỏ” ở trên. Đa phần sinh viên nam không tham gia công việc nhà (đi chợ, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc em nhỏ...), người tham gia nhiều hơn những công việc này ở gia đình là sinh viên nữ. Phải chăng, họ đã và đang bị ảnh hưởng rất nhiều ở sự xã hội hoá về giới ở gia đình của họ.

Như vậy, rất cần thiết phải có cách nào đó để nâng cao nhận thức giới cho thế hệ trẻ, đặc biệt là thế hệ sinh viên hiện nay.

Nhưng thực ra, sinh viên - đối tượng của xã hội hoá có nhu cầu trên hay không? Quá trình giáo dục chỉ thực sự có hiệu quả khi bản thân đối tượng thực sự có nhu cầu muốn nâng cao nhận thức giới.

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi tiến hành khảo sát nhu cầu muốn “học” muốn được tiếp nhận tri thức giới ở ngay trong trường đại học của sinh viên Đại học Quốc gia.

3. Nhu cầu nhận thức giới

Hơn một nửa số sinh viên cho rằng họ mức độ hiểu biết về giới của họ còn ít và rất ít (54.3%). Chính vì vậy, qua khảo sát, rất nhiều sinh viên mong muốn được trang bị kiến thức giới (73.6%), sinh viên nam và nữ đều có nhu cầu được học như nhau.

Nhiều sinh viên muốn được tiếp nhận các kiến thức giới ngay từ năm học đầu tiên (64.9%) và tỷ lệ sinh viên muốn được học ngay ở trường đại học cao hơn ở những nơi khác (trường ĐH: 66.3%; gia đình : 23.1%; thông tin đại chúng: 46.5%; bạn bè: 23.6%; sách báo: 59.8%). Những nhu cầu này chứng tỏ sinh viên của chúng ta rất muốn được hiểu biết về giới một cách khoa học nhất và “chính thống” nhất. Hai môi trường khiến sinh viên thiếu tin tưởng, đó là : bạn bè và gia đình.

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ sinh viên muốn được tiếp nhận dưới hình thức “ ngoại khóa” cao hơn một chút so với hình thức “ chính khoá” (48.7% so với 35.7%). Không có nhiều sinh viên muốn “tự học và thảo luận trên lớp” (24.8%).

Mặc dù có rất nhiều sinh viên muốn được hiểu biết về giới và tự nhận vốn kiến thức về vấn đề này còn rất ít (như đã trình bày ở trên), nhưng tỷ lệ sinh viên lựa chọn hình thức học “bắt buộc” không cao (36.1%) so với hình thức “tự chọn” (29.9%) và “ chuyên đề (33.9%). Phải chăng sinh viên của chúng ta dường như đang do dự với các hình thức trên. Một mặt họ cho rằng họ đang “thiếu kiến thức giới “ nhưng mặt khác họ chỉ xem việc hiểu biết về giới như để “thoả mãn” một điều gì đó chưa hiểu rõ như những người “tò mò” mà thôi. Hoặc họ cho rằng kiến thức giới chỉ như một loại kiến thức phổ thông, bổ trợ, chưa cần phải được cung cấp cho người học một cách chính thức. Điều này càng là cơ sở để khẳng định việc cần thiết phải có một chương trình học tập thật đầy đủ về giới cho sinh viên ở bậc đại học. Thiết nghĩ, trong một xã hội phát triển, một nhân cách phát triển toàn diện phải được xây dựng trên sự hiểu biết sâu sắc về sự tự do, bình đẳng giữa con người, giữa nam giới và nữ giới.

Định kiến giới là một cái gì đó bám rất chặt vào nhận thức và chi phối hành vi của con người. Chế độ phong kiến đã bị đẩy lùi từ rất lâu rồi nhưng những định kiến giới được duy trì và củng cố bởi nó thì vẫn còn đó. Sinh viên - thế hệ làm chủ đất nước trong một tương lai không xa nữa, đang bị ảnh hưởng bởi những định kiến này, dù họ là những người dễ tiếp thu những chuẩn mực mới và làm thay đổi những định kiến xưa cũ.

Nếu không được trang bị kịp thời những kiến thức giới mà sinh viên bị thiếu hụt, trong tương lai, họ sẽ vào đời bằng những hành trang cũ kỹ và thật bất lợi cho chặng đường phía trước của họ.

Lịch sử đã ghi nhận những định kiến và lịch sử cũng sẽ xoá chúng. Và người làm nên lịch sử, chính là thanh niên - sinh viên của chúng ta.

Với khuôn khổ của bài báo, chúng tôi mong muốn góp phần mình trong công cuộc đổi mới nhận thức về giới cho thế hệ trẻ bằng những nghiên cứu xã hội học thực nghiệm của mình. Chúng tôi kỳ vọng sẽ có một chương trình giáo dục kiến thức giới cho sinh viên ngay trong trường đại học của chúng ta trong một tương lai gần nhất.